TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Huyện K- tỉnh Ninh Bình	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày 23 tháng 7 năm 2019

"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K – TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Bảo và ông Vũ Kim Mỹ

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, Thư ký TAND huyện K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K – tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1981; ĐKHKTT và trú tại : xóm 13, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1983; ĐKHKTT: xóm 13, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi ở hiện nay: xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện có mặt anh L, vắng mặt chị H tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 18/4/2019 và bản tự khai ngày 22/4/2019, anh Trần Văn L là nguyên đơn trình bày: anh và chị Đỗ Thị H kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y là quê của chị H. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do chị H có mối quan hệ không lành mạnh với người đàn ông khác, mặc dù anh đã nhiều lần khuyên giải nhưng chị H không thay đổi, có khi bỏ nhà đi vài ngày sau đó lại quay về. Mâu thuẫn của vợ chồng kéo dài không khắc phục được, đến nay chị H đã bỏ hẳn về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 2, xã Y để sống ly thân với anh. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị H.

Về con cái: anh xác định vợ chồng có 03 người con chung là Trần Thị Hoài T, sinh năm 2004, Trần Trung T, sinh năm 2008 và Trần Thanh D, sinh năm 2013,

hiện cháu T và cháu T đang ở cùng với anh, còn cháu D khi chị H bỏ nhà đi đã đưa cháu đi theo hiện đang ở cùng chị H tại nhà bố mẹ đẻ chị H ở xóm 2, xã Y. Khi ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi cháu T và cháu T để chị H nuôi cháu D và hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản: anh xác định vợ chồng sẽ tự giải quyết với nhau, vì vậy anh không đề nghị giải quyết về tài sản.

Chị Đỗ Thị H là bị đơn trong vụ án, qua lời khai ngày 23/4/2019 nội dung thể hiện, chị và anh L kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh L ghen tuông vô cớ, chửi bới chị, vì không thể chịu đựng được nên chị đã bỏ về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở xóm 2, xã Y và cũng trong bản thự khai này chị nhất trí ly hôn với anh L. Tuy nhiên tại phiên hòa giải sau đó vào ngày 26/4/2019 chị thay đổi ý kiến mặc dù chị thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do trước đó chị có lỗi với anh L và lỗi lầm trên chị đã xin anh L cùng gia đình chồng, đã được tha thứ bỏ qua, vợ chồng đã về chung sống cùng nhau, nhưng kể từ khi hai vợ chồng làm chung ở cùng một công ty thì anh L thường ghen tuông vô cớ, chửi bới chị nên vợ chồng mới tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, vì không thể chịu đựng được nên chị mới bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, chị xin có thêm thời gian để suy nghĩ, trao đổi với anh L; Trong các lần hòa giải tiếp theo ngày 08/5/2019; 04/6/2019 và 11/6/2019 chị lại trình bày chị nghi ngờ anh L có quan hệ với người phụ nữ khác (chị chỉ nghi ngờ như vậy chứ không có chứng cứ) và vì chị thương các con, chị muốn các con của chị có cả bố và mẹ nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con cái: chị công nhận vợ chồng có ba người con chung như anh L trình bày. Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị cũng nhất trí nhận nuôi cháu D, để anh L nuôi cháu T và cháu T, hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K qua bài phát biểu tại phiên tòa thể hiện Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật; các đương sự trong vụ án đã chấp hành theo quy định của pháp luật, đồng thời đề xuất việc giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử ly hôn giữa anh Trần Văn L và chị Đỗ Thị H; chấp nhận ý kiến tự nguyện của vợ chồng trong việc để anh L nuôi dưỡng hai người con chung là cháu Trần Thị Hoài T và Trần Trung T, còn chị H nuôi dưỡng cháu Trần Thanh D và hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn L và chị Đỗ Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND xã Y, là quê của chị H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại quê của anh L ở xóm 13, xã L; Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H có quan hệ không lành mạnh với người đàn ông khác. Mặc dù anh L và gia đình chồng đã tha thứ lỗi lầm cho chị H để vợ chồng đoàn tụ, nhưng sau đó vợ chồng vẫn tiếp tục phát sinh mâu thuẫn do cả hai bên đều nghi ngờ nhau có quan hệ không lành mạnh với người khác và chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức rất nhiều phiên hòa giải nhằm giúp vợ chồng tháo gỡ mâu thuẫn, thông cảm bỏ qua những lỗi lầm và bất hòa để trở về đoàn tụ nhưng anh L vẫn không chấp nhận mà kiên quyết xin được ly hôn vì anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sóng được nữa, còn chị H tuy muốn anh L suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nhưng lại không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, không trở về chung sống cùng anh L mà vẫn ở nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân, chị không gặp gỡ anh L để trao đổi khắc phục mâu thuẫn vợ chồng vì vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng; trong những phiên hòa giải chị vẫn tỏ thái độ căng thẳng không hợp tác, không nhường nhịn đối với anh L, vì vậy mâu thuẫn vợ chồng càng căng thẳng hơn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh L và chị H đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L đối với chị H là phù hợp.

[2] Về quan hệ con cái: Vợ chồng có ba người con chung là Trần Thị Hoài T, sinh ngày 22/11/2004, Trần Trung T, sinh ngày 02/4/2008 và Trần Thanh D, sinh ngày 16/01/2013, hiện cháu T và cháu T đang ở cùng với anh L, còn cháu D đang ở cùng chị H. Khi ly hôn anh L xin được tiếp tục nuôi hai người con chung là cháu T và cháu T, để chị H nuôi cháu D, hai bên không phải dóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau và chị H cũng nhất trí, các cháu T và cháu T khi được hỏi ý kiến cũng xin được ở với bố. Xét nguyện vọng của các bên đương sự là tự nguyện, phù hợp với pháp luật, cần được chấp nhận.

[3] Về tài sản: do các đương sự không yêu cầu giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: anh L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ Điều 144, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí.

Xử ly hôn giữa anh Trần Văn L với chị Đỗ Thị H.

Giao anh L nuôi dưỡng hai người con chung của vợ chồng là cháu Trần Thị Hoài T, sinh ngày 22/11/2004 và Trần Trung T, sinh ngày 02/4/2008, còn chị H nuôi dưỡng cháu Trần Thanh D, sinh ngày 16/01/2013 và hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

Án phí ly hôn sơ thẩm anh Trần Văn L phải nộp 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003023 ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án huyện K.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai anh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết .

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Hữu Mạnh
(Đã ký)